

PHỤ LỤC:
DANH SÁCH CƠ SỞ KINH DOANH DƯỢC
ĐƯỢC CẤP, ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DƯỢC, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT THỰC HÀNH TỐT CƠ SỞ BÁN LẺ THUỐC,
ĐỢT 16 NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 476 /QĐ-SYT, ngày 09/5/2025 của Sở Y tế)

Số thứ tự	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ kinh doanh		Họ và tên người phụ trách chuyên môn	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số Chứng chỉ hành nghề được	Ngày cấp Chứng chỉ hành nghề được	Số GCN ĐKKDD	Ngày cấp GCN ĐKKDD	Số GCN GPP	Ngày cấp GCN GPP	Hiệu lực GPP	Ghi chú
1	NT	Bảo Anh	Số 38A, đường Đô Lương, Phường 11	Vũng Tàu	Phạm Thị Loàn	20/8/1991	DS	2022/CCHN-D-SYT BRVT	02/6/2021	2029	25/11/2022	1874	09/5/2025	08/5/2028	
2	NT	Hoàng Ân	Số 805, Đường 30/4, Phường 11	Vũng Tàu	Đặng Như Ý	01/8/1988	DS	1179/BRVT-CCHND	26/8/2016	955	26/3/2020	922	09/5/2025	08/5/2028	
3	NT	Hồng Ngân 1	Số 901C, đường Bình Giã, Phường 10	Vũng Tàu	Phan Thị Thu Hà	11/7/1970	DS	1474/CCHN-D-SYT BRVT	09/8/2017	1884	06/6/2022	1729	09/5/2025	08/5/2028	
4	NT	Kim Hoa (Phường 1)	Số 121, đường Lý Thường Kiệt, phường 1	Vũng Tàu	Lý Thị Thủy	20/10/1976	DS	2458/CCHN-D-SYT BRVT	12/3/2024	2538	09/5/2025	2382	09/5/2025	08/5/2028	
5	NT	Khang Linh	Số 8, đường Huỳnh Văn Hớn, Phường 10	Vũng Tàu	Nguyễn Thị Thúy	03/11/1986	DS	2631/CCHN-D-SYT BRVT	07/3/2025	2539	09/5/2025	2383	09/5/2025	08/5/2028	
6	NT	Long Châu 2242	Số 62, đường Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất	Vũng Tàu	Nguyễn Trung Tín	17/01/2025	DS	17263/CCHN-D-SYT-HCM	17/01/2025	2540	09/5/2025	2384	09/5/2025	08/5/2028	
7	NT	Long Tâm	Số 254B, đường Bình Giã, Phường 8	Vũng Tàu	Trần Thị Huệ	04/3/1987	DS	616/BRVT-CCHND	03/6/2015	159	09/8/2022	931	09/5/2025	08/5/2028	
8	NT	Minh Châu 6	Số 678, đường Bình Giã, Phường 10	Vũng Tàu	Thái Thị Thanh Trúc	04/10/1998	DS	2573/CCHN-D-SYT BRVT	09/10/2024	2541	09/5/2025	2385	09/5/2025	08/5/2028	
9	NT	Nguyễn Lê	Số 216, đường Nguyễn Thanh Đăng, phường Phước Trung	Bà Rịa	Trịnh Văn Anh	1975	DS	1091/BRVT-CCHND	30/6/2016	909	09/5/2025	121	09/5/2025	08/5/2028	*
10	NT	Phương Lan 2	Số 94, đường Nguyễn Tri Phương, Phường 7	Vũng Tàu	Vũ Thùy Trang	19/02/1995	DS	2610/CCHN-D-SYT BRVT	30/12/2024	2542	09/5/2025	2386	09/5/2025	08/5/2028	
11	NT	Tân Linh	Số 06, đường Ngự Phủ, phường Thắng Nhì	Vũng Tàu	Lê Thị Hạnh	25/5/1967	DS	1703/CCHN-D-SYT BRVT	09/7/2024	78	09/5/2025	838	09/5/2025	08/5/2028	**
12	NT	Toàn Phúc	Tổ 1, khu phố Phước Long, phường Tân Hòa	Phú Mỹ	Mai Thành Long	01/10/1996	DS	1179/CCHN-D-SYT BD	26/7/2021	2543	09/5/2025	2387	09/5/2025	08/5/2028	
13	NT	Thu Thảo	Tổ 5, khu phố Cát Hải, phường Tân Hải	Phú Mỹ	Nguyễn Mộng Hoàng Anh	02/02/1992	DS	9648/CCHN-D-SYT ĐNAI	16/12/2024	2544	09/5/2025	2388	09/5/2025	08/5/2028	

Số thứ tự	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ kinh doanh		Họ và tên người phụ trách chuyên môn		Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số Chứng chỉ hành nghề được	Ngày cấp Chứng chỉ hành nghề được	Số GCN ĐKKDD	Ngày cấp GCN ĐKKDD	Số GCN GPP	Ngày cấp GCN GPP	Hiệu lực GPP	Ghi chú
14	NT	Vy Khang	Kiosk 5 Đường 30/4, phường Thăng Nhất	Vũng Tàu	Trần Thị Bảo	Ngọc	25/6/1995	DS	1982/CCHN-D-SYT-BRVT	07/12/2020	2545	09/5/2025	2389	09/5/2025	08/5/2028	
15	NT	Yến Phương	Số 52/SA1, đường Bắc Sơn, Phường 11	Vũng Tàu	Phạm Thị Yến	Phương	18/12/1992	DS	13010/CCHN-D-SYT-HCM	27/6/2023	2546	09/5/2025	2390	09/5/2025	08/5/2028	
16	QT	Anh Tuấn	Tổ 34/24 Ô4, khu phố Hải Hà 1, thị trấn Long Hải	Long Đất	Nguyễn Thị Ái	Quỳnh	27/7/19992	DSTC	1066/BRVT-CCHND	13/6/2016	934	09/5/2025	896	09/5/2025	08/5/2028	*
17	QT	Bích Hường	Số 13, tổ 11, ấp Phước Lâm, xã Phước Hưng	Long Đất	Nguyễn Thị Bích	Hường	30/01/1996	DSTC	1987/CCHN-D-SYT-BRVT	18/3/2025	1915	09/5/2025	1760	09/5/2025	08/5/2028	*
18	QT	Lê Bình 9	E10, đường Quốc lộ 5, tổ 6, ấp Phước Thiện, xã Phước Tỉnh	Long Đất	Lê Văn	Đại	01/9/1988	DSTC	4458/CCHN-D-SYT-ĐNAI	12/10/2020	2547	09/5/2025	2391	09/5/2025	08/5/2028	
19	QT	Long Bình	130 đường Bùi Công Minh, khu phố Long Bình, thị trấn Long Điền	Long Đất	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/9/1990	DSTC	1335/BRVT-CCHND	13/01/2017	1893	09/5/2025	1738	09/5/2025	08/5/2028	*
20	QT	Nguyễn Thảo	Kios A1 Ô1, chợ Phước Tỉnh, xã Phước Tỉnh	Long Đất	Bùi Thanh	Sang	15/11/1981	DSTC	168/BRVT-CCHND	06/12/2013	1789	09/5/2025	1634	09/5/2025	08/5/2028	*
21	QT	Thu Thắm	B07, Tổ 4, ấp Phước Bình, xã Phước Tỉnh	Long Đất	Nguyễn Thị Thu	Thắm	09/8/1993	DSCĐ	1605/CCHN-D-SYT-BRVT	20/12/2017	1382	09/5/2025	1227	09/5/2025	08/5/2028	*
22	QT	Yến Tuyết 1	Thôn 10, xã Long Sơn	Vũng Tàu	Phạm Lê Hồng	Ngân	01/12/1995	DSTC	1928/CCHN-D-SYT-BRVT	23/6/2020	2548	09/5/2025	2392	09/5/2025	08/5/2028	
Tổng cộng: 22 cơ sở																

Ghi chú: (*): Hồ sơ duy trì đồng thời điều chỉnh do thay đổi địa giới hành chính;
(**): Hồ sơ duy trì đồng thời điều chỉnh thông tin người phụ trách chuyên môn;

DS: Dược sĩ; DSCĐ: Dược sĩ cao đẳng; DSTC: Dược sĩ trung cấp; NT: Nhà thuốc; QT: Quầy thuốc; GCN ĐKKDD: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược; GCN GPP: Giấy chứng nhận đạt thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.

- Phạm vi kinh doanh:
- + Nhà thuốc: Mua và bán lẻ thuốc bảo quản ở điều kiện thường không bao gồm vắc xin, thuốc thuộc Danh mục thuốc phải kiểm soát đặc biệt và Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ.
 - + Quầy thuốc: Mua và bán lẻ thuốc bảo quản ở điều kiện thường thuộc Danh mục thuốc thiết yếu và Danh mục thuốc không kê đơn; không bao gồm vắc xin, thuốc thuộc Danh mục thuốc phải kiểm soát đặc biệt và Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ.
 - + NT Nguyễn Lê: Mua và bán lẻ thuốc, bao gồm thuốc bảo quản ở điều kiện thường, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, thuốc độc và thuốc có dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; trừ vắc xin.
 - + NT Long Châu 2242: Mua và bán lẻ thuốc, bao gồm cả thuốc bảo quản ở điều kiện 2oC-8oC, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, thuốc độc và thuốc có dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; trừ vắc xin